

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/KDTM-ST

Ngày: 05/9/2023

V/v: *Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Trúc Lý

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đào Quốc Thắng

2. Bà Nguyễn Thị Bông Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Bích Đào – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 14/2023/KDTM ngày 28/02/2023 về “Tranh chấp hợp đồng thuê tài chính” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 245/2023/QĐST-XX-KDTM ngày 12 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cho thuê tài chính TNHH M

Địa chỉ: 37 T, phường Bến Nghé, Quận I, TPHCM.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Huy V (vắng mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH T (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 17 đường D, phường Tân Quý, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Văn H (vắng mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H, sinh năm 1962 và bà Vũ Thị T, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 33/13 khu phố 12, phường Bình Hưng Hòa, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn Công ty cho thuê tài chính TNHH M có người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Huy V trình bày:

Công ty TNHH T có nhu cầu sử dụng máy móc, thiết bị để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình và đề nghị Công ty cho thuê tài chính TNHH M tài trợ tài chính nên hai bên đã ký kết Hợp đồng cho thuê tài chính số F210522003 ký ngày 24/05/2021 và các Phụ lục đi kèm đã ký Công ty TNHH T (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng thuê”). Theo đó, tài sản mà Công ty TNHH T có nhu cầu thuê tài chính là:

- Máy đào bánh lốp, Hiệu: Komatsu, Xuất xứ: Nhật, Số khung: 1109, Số máy: 26207676, Biển số: 50LA-1835

- Máy đào bánh xích, Hiệu: Kobelco, Xuất xứ: Mỹ, Số khung: YQ07-U0610, Số máy: 6D34-077658, Biển số: 50XA-2019

- Máy đào bánh xích, Hiệu: Komatsu, Xuất xứ: Nhật, Số khung: 8173, Số máy: 25450, Biển số: 50XA-5689

(sau đây gọi tắt là “*Tài sản thuê*”).

Để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của Công ty TNHH T, Công ty cho thuê tài chính TNHH M có chấp nhận các Thư bảo lãnh của ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T ký cùng ngày 24/05/2021 về việc bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo Hợp đồng thuê số F210522003 ký ngày 24/05/2021. Theo đó, trường hợp Công ty TNHH T không thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê theo các Hợp đồng thuê, ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T cam kết sẽ thực hiện nghĩa vụ thanh toán tiền thuê thay cho Công ty TNHH T.

Để thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính nêu trên, Công ty Cho thuê tài chính TNHH M đã ký hợp đồng mua bán số F210522003-PC ngày 24/05/2021 với Công ty TNHH T để mua tài sản thuê nêu trên và cho Công ty TNHH T thuê lại chính các tài sản này. Đây là hình thức mua và cho thuê lại theo quy định của pháp luật về cho thuê tài chính. Sau đó Công ty TNHH T đã ký Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 26/05/2021 để xác nhận đã nhận bàn giao các Tài sản thuê nêu trên.

Tổng giá trị của Tài sản thuê là 1.287.000.000 đồng, số tiền mà Công ty TNHH T trả trước (“*Tiền trả trước*”) là 321.750.000 đồng, số tiền mà Công ty Cho thuê tài chính TNHH M tài trợ (“*Giá trị thuê*”) là 965.250.000 đồng, thời hạn thuê là 36 tháng.

Hàng tháng, Công ty TNHH T phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M Tiền thuê bao gồm một phần Vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền Vốn gốc mà Công ty Cho thuê tài chính TNHH M đã tài trợ cùng các khoản lãi theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty TNHH T trả hết toàn bộ Vốn gốc cùng các khoản lãi, Công ty cho thuê tài chính TNHH M vẫn là chủ sở hữu của Tài sản thuê và là người đứng tên trên toàn bộ các hóa đơn, chứng từ, các giấy tờ pháp lý khác liên quan đến quyền sở hữu, v.v. đối với Tài sản thuê. Căn cứ theo các quy định pháp luật hiện hành và Điều 26 của Hợp đồng thuê, nếu Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán Tiền thuê, hay vi phạm bất cứ một điều khoản hoặc điều kiện nào của Hợp đồng thuê, hay bị mất khả năng thanh toán, Công ty cho thuê tài chính TNHH M đều có quyền chấm dứt Hợp đồng thuê trước thời hạn, thu hồi Tài sản thuê và yêu cầu Công ty TNHH T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Lãi suất thuê được áp dụng cho Hợp đồng thuê được quy định cụ thể tại Thông báo bắt đầu thuê mà Công ty cho thuê tài chính TNHH M đã phát hành và tuân thủ đúng quy định pháp luật về lãi suất áp dụng cho hoạt động thuê tài chính tại Việt Nam.

Đến kỳ thuê phải thanh toán vào tháng 10/2022, Công ty TNHH T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M. Dù Công ty cho thuê tài chính TNHH M đã cố gắng liên hệ nhiều lần nhưng vẫn không nhận được số tiền thanh toán cho toàn bộ các khoản nợ quá hạn từ phía Công ty TNHH T.

Do Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê quy định tại Điều 26 của Hợp đồng thuê, nên vào ngày 06/01/2023, Công ty Cho thuê tài chính TNHH M đã phát hành Thông báo chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi Tài sản thuê, theo đó yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tổng số tiền còn thiếu theo Hợp đồng thuê tính đến ngày 09/01/2023 (ngày chính thức chấm dứt Hợp đồng thuê) là 602.526.519 đồng (Sáu trăm linh hai triệu năm trăm hai mươi sáu ngàn năm trăm mười chín đồng).

Sau khi chấm dứt Hợp đồng thuê, Công ty chúng tôi đã nhiều lần liên hệ với Công ty TNHH T để yêu cầu thanh toán các khoản tiền thuê còn nợ. Tuy nhiên, cho đến nay phía Công ty TNHH T vẫn chưa thực hiện việc thanh toán đầy đủ các khoản tiền trên cho Công ty chúng tôi. Đồng thời, Công ty TNHH T cũng không bàn giao tài sản thuê cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH M (Tài sản thuê hiện tại đang do Công ty TNHH T quản lý và sử dụng theo Giấy chứng nhận nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 25/05/2021).

Ngày 13/01/2023, Công ty chúng tôi phát hành Thư yêu cầu thanh toán về việc thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh thanh toán tiền thuê để yêu cầu ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T thanh toán theo nội dung các Thư bảo lãnh cá nhân đã ký nhưng đến nay ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T vẫn chưa thanh toán số tiền mà Công ty TNHH T còn nợ Công ty chúng tôi.

Nay Công ty cho thuê tài chính TNHH M yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH M số tiền thuê còn nợ tạm tính đến ngày 05/09/2023 là 645.377.445 (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), cụ thể như sau: Nợ gốc là: 509.437.500 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/01/2023 là 93.089.019 đồng, Nợ lãi quá hạn từ ngày 09/01/2023 đến 05/09/2023 là 42.850.926 đồng.

Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty Cho thuê tài chính M tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 06/09/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, yêu cầu Công ty TNHH T giao trả các Tài sản thuê để Công ty cho thuê tài chính TNHH M thanh lý, cản trở vào nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH T không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê

còn nợ.

Ngoài ra Công ty TNHH T phải có nghĩa vụ trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH M chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp với số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- *Bị đơn Công ty TNHH T: vắng mặt*

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T: vắng mặt*

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ Hợp đồng thuê tài chính được ký kết giữa Công ty Cho thuê tài chính TNHH M và Công ty TNHH T là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định pháp luật. Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán được các bên thỏa thuận trong hợp đồng là gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty Cho thuê tài chính TNHH M. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và nghe ý kiến trình bày của đại diện Viện kiểm sát. Sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hợp đồng cho thuê tài chính mà hai bên ký kết, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là quan hệ hợp đồng dân sự về Tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính. Do bị đơn có trụ sở tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên hòa giải và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, Giấy triệu tập đương sự, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn là Công ty TNHH T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Vũ Thị T theo quy định tại Điều 177 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng Công ty TNHH T và ông Lê Văn H, bà Vũ Thị T vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty TNHH T và ông Lê Văn H, bà Vũ Thị T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về yêu cầu của các đương sự:*

- *Về yêu cầu thanh toán số tiền gốc và lãi của Hợp đồng thuê tài chính:*

Xét Hợp đồng cho thuê tài chính số F210522003 ngày 24/05/2021 thể hiện thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385, Điều 401 và Điều 472 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, trong quá trình thực hiện Hợp đồng cho thuê tài chính thì Công ty TNHH T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Công ty cho thuê tài chính TNHH M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH T thanh toán tổng số tiền tạm tính đến ngày 05/09/2023 là 645.377.445 (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm) đồng, cụ thể như sau: Nợ gốc là: 509.437.500 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/01/2023 là 93.089.019 đồng, Nợ lãi quá hạn từ ngày 09/01/2023 đến 05/09/2023 là 42.850.926 đồng. Ngoài ra, Công ty TNHH T vẫn phải tiếp tục chịu lãi theo các hợp đồng cho thuê tài chính đã ký nêu trên cho tới khi thanh toán xong toàn bộ số nợ cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M, theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho thuê tài chính dụng cho đến khi Công ty TNHH T thanh toán xong số tiền thuê còn nợ là có cơ sở và phù hợp với quy định tại Điều 481 Bộ Luật Dân sự năm 2015 nên có căn cứ chấp nhận.

Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 06/09/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, yêu cầu Công ty TNHH T giao trả các Tài sản thuê để Công ty Cho thuê tài chính TNHH M thanh lý, cầm trả vào nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH T không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Đối với chi phí xem xét, thẩm định tài sản thế chấp là 5.000.000 (Năm triệu) đồng, do yêu cầu khởi kiện của Công ty Cho thuê tài chính TNHH M được chấp nhận nên Công ty TNHH T phải có nghĩa phải trả cho Công ty Cho thuê tài chính TNHH M số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty TNHH M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M là 645.377.445 đồng, do đó án phí Công ty TNHH T phải chịu là 29.815.098 đồng.

Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M số tiền tạm ứng án phí 14.143.380 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 351, Điều 472, Điều 481 và Điều 481 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH M:

Buộc Công ty TNHH T có trách nhiệm thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M số tiền theo Hợp đồng cho thuê tài chính số F210522003 ký ngày 24/05/2021 và các Phụ lục đi kèm đã ký giữa Công ty TNHH T đến ngày 05/09/2023 số tiền là 645.377.445 (Sáu trăm bốn mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi bảy nghìn bốn trăm bốn mươi lăm đồng), cụ thể như sau: Nợ gốc là: 509.437.500 đồng, Nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày chấm dứt Hợp đồng thuê 09/01/2023 là 93.089.019 đồng, Nợ lãi quá hạn từ ngày 09/01/2023 đến 05/09/2023 là 42.850.926 đồng.

Buộc Công ty TNHH T thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M tiền lãi chậm thanh toán phát sinh từ ngày 06/09/2023 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quy định tại Hợp đồng thuê.

Trường hợp Công ty TNHH T không thanh toán đầy đủ số tiền nêu trên, yêu cầu Công ty TNHH T giao trả các Tài sản thuê để Công ty cho thuê tài chính TNHH M thanh lý, cầm trả vào nợ.

Trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ hoặc Công ty TNHH T không giao trả Tài sản thuê, buộc ông Lê Văn H và bà Vũ Thị T thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M theo nội dung các Thư bảo lãnh đã ký cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Công ty TNHH T có nghĩa vụ trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M chi phí xem xét, thẩm định và định giá tài sản thế chấp số tiền 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Công ty TNHH T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 29.815.098 đồng (Hai mươi chín triệu tám trăm mười lăm ngàn không trăm chín mươi tám đồng)

- Hoàn trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH M số tiền tạm ứng án phí 14.143.380 đồng (Mười bốn triệu một trăm bốn mươi ba ngàn ba trăm tám mươi đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0013588 ngày 28/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, Bị đơn, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Trúc Lý